

Bản án số : **14/2020/HC-PT**

Ngày: 19 - 11 - 2020

V/v “*khieu kiện quyết định  
hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông: **Mai Xuân Thành**

*Các thẩm phán:* Ông: **Võ Ngọc Thông**

Ông: **Trần Quốc Cường**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng**, là Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông: **Phạm Tấn Ánh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số : 157/2020/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2020 về “*khieu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐ-PT ngày 02-11-2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị M; trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà M theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2019 là Ông Phạm Văn H; trú tại: Đường N, tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Luật sư Nguyễn Văn K, Văn phòng Luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; trú tại: tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ Tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo văn bản ủy quyền số 3382/UQ-UBND ngày 02/5/2019 là Ông Y – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo Văn bản số 3383 ngày 02/5/2019 là ông Trần Văn S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân D- Chủ tịch UBND huyện K. vắng mặt

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K theo văn bản ủy quyền số 33/UQ-UBND ngày 07/7/2019 là bà Ngô Thị M T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.( Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 7 năm 2020). Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K theo Văn bản số 194/UBND-VP ngày 13/2/2019 là ông Phan Xuân L - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện K; địa chỉ: Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu X Đắk Lắk; trụ sở: Tp. B, Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến H - Chức vụ Tổng giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn H trình bày:**

Năm 1989, bà Phạm Thị M nhận giao khoán vườn cây của xí nghiệp 3/2, sau này chuyển về công ty xuất nhập khẩu X, diện tích nhận khoán 5.967m<sup>2</sup> (Trong đó, diện tích khoán vườn cây 5.467 m<sup>2</sup>, diện tích nhận giao khoán liên kết là 500m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài diện tích đất nhận khoán trên, năm 1990 gia đình bà M khai hoang thêm tại khu vực này diện tích 3.243,1m<sup>2</sup> để sản xuất nông nghiệp và diện tích 7.307,3m<sup>2</sup> đất ao hồ.

Năm 1992, hoàn cảnh khó khăn nên gia đình bà M có đơn xin Xí nghiệp cho chuyển diện tích 1.400m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 3.243,1m<sup>2</sup> đất khai hoang liền kề với diện tích giao khoán để xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt, sản xuất và được xí nghiệp lúc bấy giờ chấp thuận cho phép. Năm 1992, xây nhà, đến năm 2008 xây dựng lại.

Đến năm 2003, bà M làm đơn đề nghị Xí nghiệp cho bà M chuyển diện tích 7.307,3m<sup>2</sup> đất ao khai hoang để mức làm ao hồ phục vụ tưới tiêu vào mùa khô và tăng thu nhập cho gia đình thì được Lãnh đạo xí nghiệp lúc bấy giờ đồng ý.

Toàn bộ diện tích đất trên gia đình bà M sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với công ty, chấp hành tốt chủ trương sử dụng đất của công ty và pháp luật đất đai.

Năm 2006, thực hiện đổi mới, sắp xếp lại và phát triển nông trường quốc doanh theo nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ và Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk về sắp xếp đổi mới các Nông - Lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, toàn bộ diện tích đất nêu trên được UBND tỉnh thu hồi tại quyết định 1384/QĐ-UBND ngày 17/7/2006 giao cho UBND huyện K quản lý, sử dụng và gia đình bà M vẫn tiếp tục ở ổn định trên đất đã xây dựng nhà ở; tiếp tục sản xuất trên diện tích nhận khoán và diện tích đất khai hoang thêm.

Thực hiện dự án xây dựng khu đô thị Đông, Bắc thị trấn P, huyện K, năm 2014 UBND huyện K triển khai thu hồi diện tích đất nông nghiệp có nguồn gốc của người dân nhận khoán trước đây, hiện đang canh tác, sử dụng để bán đấu giá quyền sử dụng đất. Trong đó, gia đình bà M bị thu hồi gồm: 5.467m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc nhận khoán; 500m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc liên kết và 3.241,1m<sup>2</sup> đất có nguồn gốc do gia đình bà M khai hoang năm 1990 trong đó có 1.400m<sup>2</sup> đất vườn và đất xây dựng nhà ở.

Tuy nhiên, UBND huyện K khi thu hồi không ban hành quyết định thu hồi đất riêng với các thửa của gia đình bà M, không công khai niêm yết phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, đồng thời không thực hiện việc bồi thường về đất theo quy định của pháp luật. Thay vào đó UBND huyện K chỉ ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện K về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu quy hoạch Đông – Bắc thị trấn P (Viết tắt Quyết định số 1590). Theo đó, gia đình bà M chỉ được bồi

thường, hỗ trợ 481.980.000đ (hỗ trợ 40% giá đất nông nghiệp, hỗ trợ 60% giá nhà và các công trình sinh hoạt xây dựng trên đất).

Không đồng ý với quy trình, cách thức và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K, nên bà M khiếu nại.

Năm 2018, UBND huyện K lại tiếp tục thu hồi đất của gia đình bà để thực hiện xây dựng khu đô thị Đông – Bắc (đợt 3). Theo đó, gia đình bà M bị thu hồi diện tích 7.370,3m<sup>2</sup> đất ao hồ khai hoang và 23.000m<sup>2</sup> đất ao hồ nhận khoán. Tuy nhiên, cũng như lần thu hồi trước, UBND huyện K không ban hành quyết định thu hồi đất riêng đối với hộ gia đình bà M,

Ngày 08/01/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (Viết tắt Quyết định số 17). Theo đó, gia đình bà M chỉ được hỗ trợ là 370.015.975đ, còn về việc bồi thường và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật thì UBND huyện K không xem xét.

Ngày 22/01/2018, bà M làm đơn khiếu nại lần đầu gửi UBND huyện K.

Ngày 20/6/2018, Chủ tịch UBND huyện K ban hành quyết định số 1931/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Viết tắt Quyết định số 1931) với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà M.

Ngày 28/6/2018 bà M tiếp tục làm đơn khiếu nại (lần 2) gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung tương tự như nội dung khiếu nại lần đầu, ngoài ra tại nội dung khiếu nại lần 2 bà M yêu cầu hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND huyện K ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất ao hồ 7.307,4m<sup>2</sup> của gia đình bà M do không ban hành quyết định thu hồi đất và đề nghị hủy Quyết định số 1931 về giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện K vì ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không đúng quy định của pháp luật, không đúng theo luật khiếu nại (kể từ ngày bà M gửi đơn cho đến ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là hơn 3 tháng).

Ngày 17/01/2019 chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 (viết tắt Quyết định số 107) với nội dung: Việc UBND huyện K chi trả chậm bồi thường tại phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1590/QĐ-UBND, các yêu cầu khác không chấp nhận

Bà M cho rằng UBND huyện K thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ các lần đối với gia đình bà M như trên là chưa đúng quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà M.

Từ cơ sở trên, bà M yêu cầu Tòa án tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Buộc UBND huyện K sửa đổi bổ sung và điều chỉnh Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P;

- Buộc UBND huyện K sửa đổi bổ sung và điều chỉnh Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/1/2018 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông - Bắc thị trấn P đợt 3.

- Buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà M theo quy định pháp luật (Gồm đất nhận khoán, đất khai hoang, đất ở, đất vườn nhà đất ở);

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M;

- Hủy một phần Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M.

**Ngày 09/7/2019, bà M khởi kiện bổ sung:**

Từ yêu cầu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh: Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà M và Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/1/2018 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà M sang hủy một phần đối với đối với Quyết định số 1590 và Quyết định số 17 đối với phần bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà M.

Từ yêu cầu hủy một phần quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Phạm Thị M sang hủy toàn bộ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019.

Các yêu cầu khác giữ nguyên.

Ngày 05/8/2019, bà M có văn bản yêu cầu bồi thường thiệt hại 70.000.000đ là thiệt hại 1 vụ cá do chưa tận thu khi thu hồi.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/11/2020, bà M rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 70.000.000đ là thiệt hại 1 vụ cá do chưa tận thu khi thu hồi.

**- Tại văn bản ý kiến người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Krông Pắc và Chủ tịch UBND huyện K Ông Nguyễn H Thit trình bày:**

Ngày 30/5/2014, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu quy hoạch Đông – Bắc thị trấn P.

Ngày 20/6/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1931/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M, trú tại: TDP 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị M. Gồm:

1. Hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện K đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà M, do phê duyệt sau 01 năm mới trả tiền.

2. Ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho gia đình bà M;

3. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất ao khai hoang;

4. Bồi thường, hỗ trợ 100% giá đất; các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích 3.000m<sup>2</sup> theo nội dung công văn số 113/CV/CPTU ngày 05/5/2006 của Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk về việc "tái bố trí đất sản xuất cho người lao động thuộc Công ty X sau khi chuyển giao Chi nhánh cho UBND huyện K".

5. Bồi thường đất ở, đất vườn và nhà ở 100% giá theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 02 lần giá đất ao theo quy định đối với đất ao nhận khoán 23.000m<sup>2</sup>;

7. Bồi thường 01 vụ cá ao khai hoang 7.307,3 m<sup>2</sup> do gia đình bà M chưa tận thu mà UBND huyện đã chỉ đạo Công an vào cưỡng chế, cho bên thi công phá hoại tài sản của gia đình bà M khi quyết định phê duyệt mới chỉ được 02 ngày.

Sau khi xác minh nội dung khiếu nại, UBND huyện K kết luận như sau:

1. Đối với nội dung: Hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 1590/QĐ-UBND, ngày 30/5/2014 của UBND huyện K đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà M do phê duyệt sau 01 năm mới trả tiền.

Việc thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị M là chậm so với quy định của luật đất đai là 11 tháng 10 ngày.

Bà Phạm Thị M khiếu nại, đề nghị UBND huyện hủy Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện K đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà, lý do phê duyệt sau 01 năm mới trả tiền là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M (lần 2), UBND tỉnh công nhận nội dung khiếu nại chậm chi trả tiền này; yêu cầu UBND huyện K lập phương án bổ sung.

Hiện nay UBND huyện K đã lập phương án bổ sung do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị M theo Quyết định số 107/QĐ-UBND.

2. Đối với nội dung 2: Ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho gia đình bà M. Tại điểm 4, Công văn số 05/STNMT-CCQLĐĐ ngày 02/01/2018 về việc thu hồi đất với diện tích đất được giao quản lý: Theo điểm 6, khoản 15 Điều 02 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ, quy định: "...Trường hợp diện tích đất thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh có phần diện tích đất do nhà nước giao để quản lý quy định tại Điều 8 Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất và cho chủ đầu tư thuê để thực hiện dự án". Còn đối với diện tích đất thực hiện các dự án khác như dự án khu đô thị mới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất Đai năm 2013 "khi thực hiện trên phần diện tích có nguồn gốc được UBND tỉnh thu hồi của tổ chức, doanh nghiệp giao về địa phương quản lý theo quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013 thì không quy định UBND cấp huyện phải ban hành Quyết định thu hồi đất với phần diện tích này".

Bà Phạm Thị M khiếu nại đề nghị UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất cho riêng hộ bà là không đúng với quy định của pháp luật.

3. Đối với nội dung: Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất ao khai hoang.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 76 của Luật đất đai 2013 quy định: Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất bao gồm: "...đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: "1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này".

Theo ý kiến của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tại điểm 2 Công văn số 05/STNMT –CCQLĐĐ ngày 02/01/2018 về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn P "Đối với diện tích ao hồ: Trường hợp thuộc phần diện tích đất đã được UBND tỉnh Quyết định thu hồi, bàn giao về cho địa phương quản lý thì không bồi thường về đất nhưng được xem xét bồi thường chi phí đào ao theo quy định".

Việc bà M khiếu nại, yêu cầu UBND huyện bồi thường, đối với đất ao là không đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với nội dung: Bồi thường, hỗ trợ 100% giá đất; các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích 3.000m<sup>2</sup> theo nội dung công văn số 113/CV-CPTU ngày 05/5/2006 của Văn phòng tỉnh ủy Đắk Lắk về việc "tái bố trí đất sản xuất cho người lao động thuộc Công ty X sau khi chuyển giao Chi nhánh cho UBND huyện K.

Việc bà M yêu cầu cấp đất cho gia đình và theo Công văn số 113/CV/VPTU, ngày 05/5/2006 của Văn phòng tỉnh ủy "về việc đề nghị UBND huyện K bố trí đất tái sản xuất cho mỗi hộ đã nhận khoán của Công ty từ 2.500 m<sup>2</sup> đến 3.000m<sup>2</sup>". Công văn số 113/CV/VPTU chỉ là văn bản đề nghị, thực tế sau khi tiếp nhận diện tích 568.122,6m<sup>2</sup> từ công ty xuất nhập khẩu X bàn giao cho huyện, UBND huyện đã quy hoạch khu đô thị Đông Bắc, thị trấn P và UBND huyện cũng không có quỹ đất khác để bố trí đất sản xuất nông nghiệp cho hộ bà M cũng như các hộ nhận giao khoán khác.

5. Đối với nội dung Bồi thường đất ở, đất vườn và nhà ở 100% giá theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đất của bà M có nguồn gốc đất của Công ty xuất nhập khẩu X Đắk Lắk, sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Ngày 11/12/2017, bà Phạm Thị M cung cấp một bản (phô tô) đơn xin xác nhận đất thổ cư (không ghi ngày tháng năm), có xác nhận của Chi nhánh K, Công ty xuất nhập khẩu X Đắk Lắk, ngày 22/11/1999. Giấy xác nhận đất thổ cư của bà M là giấy xác nhận lại, chứ không phải giấy cấp đất thổ cư của Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp 3/2 K tại thời điểm cấp đất, hiện nay không có bản lưu tại Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp 3/2 K vì đã giải thể nên không có cơ sở để xác định năm 1992 Xí nghiệp K cấp đất cho bà M.

Việc khiếu nại, yêu cầu UBND huyện bồi thường, hỗ trợ đất ở, đất vườn và nhà ở 100% là không đúng quy định của pháp luật.

6. Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 02 lần giá đất ao theo quy định đối với đất ao nhận khoán 23.000m<sup>2</sup>;

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp "1. *Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a,b,c và d khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá*

*nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm".*

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*"1. Cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi nhà nước thu hồi đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật thì không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm".*

Bà Phạm Thị M là công nhân viên Công ty xuất nhập khẩu X Đắk Lắk đã nghỉ hưu, nên không thuộc đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

7. Đối với nội dung: Bồi thường 01 vụ cá tại ao khai hoang 7.307m<sup>2</sup> do gia đình chưa tận thu mà UBND huyện đã chỉ đạo công an vào cưỡng chế, cho bên thi công phá hoại tài sản của gia đình bà M khi quyết định phê duyệt mới chỉ được 02 ngày.

Việc UBND huyện K chỉ đạo tổ chức thi công công trình dự án tại diện tích đất 7.307m<sup>2</sup> (02 ao cá) của bà M trong thời hạn chi trả tiền và bà M chưa nhận tiền bồi thường là chưa đúng với quy định tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, UBND huyện K đã có biện pháp khắc phục kịp thời, đơn vị thi công đã dừng thi công và bà M đồng ý nhận thêm số tiền 10 triệu đồng từ đơn vị thi công (ngày 11/01/2018). Sau đó (ngày 16/01/2018), bà M đã nhận số tiền bồi thường về cá (36.536.500 đồng) do phải thu hoạch sớm theo phương án bồi thường được phê duyệt. Tại phiên tòa bà M rút yêu cầu này nên đề nghị HĐXX đình chỉ.

Từ những căn cứ nêu trên, việc bà Phạm Thị M khởi kiện là không có căn cứ nên UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K không chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện K ông Phan Xuân Lâm đồng ý với văn bản trình bày và không bổ sung thêm.

**\* Tại văn bản ý kiến ngày 24/4/2019 người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày.**

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh vụ việc và hồ sơ, tài liệu liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Toàn bộ diện tích đất của bà M đang sử dụng đều nằm trong diện tích do UBND tỉnh thu hồi của Công ty xuất nhập khẩu X Đắc Lắc giao cho UBND huyện K quản lý. Do đó, việc UBND huyện K không ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích đất 7.307,3m<sup>2</sup> (02 ao cá) của bà M là phù hợp với quy định hiện hành.

Công văn số 113-CV/VPTU ngày 05/5/2006 của Văn phòng Tỉnh ủy là văn bản đề nghị, thực tế, UBND huyện K không thực hiện việc giao đất tái sản xuất cho hộ bà M cũng như các hộ nhận khoán khác.

Kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy, đơn xin xác nhận đất thổ cư do bà M cung cấp là đơn xác nhận lại việc cấp đất và bà M không có giấy tờ cấp đất như nội dung xác nhận trong đơn.

Việc UBND huyện K chỉ đạo tổ chức thi công công trình dự án tại diện tích đất 7.307,3m<sup>2</sup> (03 ao cá) của bà M trong thời hạn chi trả tiền bồi thường (30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án) và bà M chưa nhận tiền bồi thường là chưa đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, UBND huyện K đã có biện pháp khắc phục kịp thời, đơn vị thi công đã dừng thi công dự án và bà M đã đồng ý nhận thêm số tiền hỗ trợ 10.000.000 đồng và số tiền bồi thường thiệt hại về cá (36.536.500 đồng) do phải thu hoạch sớm theo phương án bồi thường đã được phê duyệt.

Việc UBND huyện K chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà M tại phương án trên là chậm theo quy định, lỗi chi trả chậm tiền bồi thường, hỗ trợ này thuộc về UBND huyện K.

Từ những căn cứ nêu trên, ngày 17/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đắc Lắc ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M. Nội dung giải quyết tại quyết định này là phù hợp với nguồn gốc, diễn biến quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình bà M và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV X Đắc Lắc (viết tắt Công ty X) người đại diện theo pháp luật ông Lê Tiến H trình bày:** Xí nghiệp 3/2 K được sát nhập về Công ty X Đắc Lắc cuối năm 1995, Công ty thành lập chi nhánh K với mô hình hoạt động giữ nguyên hiện trạng của xí nghiệp 3/2 từ bộ máy sản xuất và phương thức sản xuất, chính sách giao khoán. Đến năm 2005, thực hiện Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắc Lắc, Công ty X Đắc Lắc đã bàn giao nguyên trạng từ con người, tài sản, đất đai về cho huyện K quản lý. Do thời gian đã lâu nên các hồ sơ liên quan đến chi nhánh bị thất lạc không truy tìm được.

*Với nội dung nêu trên tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định.*

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 2 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 69; Điều 82 Luật đất đai; khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại; Điều 9; điểm d khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P; đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Phạm Thị M.

- Hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/1/2018 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P đợt 3 đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Phạm Thị M

- Buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà Phạm Thị M theo quy định pháp luật (Gồm đất nhận khoán, đất khai hoang, đất ở, đất vườn nhà đất ở);

- Hủy Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M;

- Hủy Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18 tháng 2 năm 2020 bà Phạm Thị M kháng cáo bản án

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Tại cấp phúc thẩm người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 3, các đương sự khác vắng mặt Tòa án xét xử theo thủ tục chung. Ủy ban nhân dân huyện K tỉnh Đắk Lắk và chủ tịch UBND huyện K do bà Ngô Thị M T làm đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn không ghi ngày, tháng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phạm Thị M vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của bà M.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị M.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Phạm Thị M và ông Phạm Ngọc Đ nguyên là vợ chồng. Năm 1989, ông Đ đại diện ký hợp đồng nhận khoán với Xí nghiệp 3/2 diện tích 0,91 ha, năm 1992 ông Đ, bà M chia cho ông Trần Thanh B 0,1ha, còn lại 0,81 ha ông Đ đại diện gia đình ký hợp đồng nhận khoán 0,81 ha. Năm 1997, ông Đ, bà M thuận tình ly hôn và thỏa thuận phân chia, ông Đ quản lý, sử dụng 0,2 ha, bà M được quản lý, sử dụng 0,6 ha (sau này chuyển về Công ty X). Tháng 12/1999, bà M là người trực tiếp ký hợp đồng nhận khoán với Công ty X diện tích 0,6 ha, (diện tích kiểm đếm, đo đạc thực tế 5.967m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích khoán vườn cây 5.467 m<sup>2</sup>, diện tích nhận giao khoán liên kết là 500m<sup>2</sup>) đất tọa lạc tại tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài diện tích đất nhận giao khoán của Xí nghiệp 3/2, năm 1990 gia đình ông Đ có khai hoang thêm tại khu vực này diện tích 3.243,1m<sup>2</sup> để sản xuất nông nghiệp và diện tích 7.307,3m<sup>2</sup> đất sinh lầy để làm ao hồ.

\* Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M, đã xác định được diện tích 9.210,1m<sup>2</sup> trong đó:

*Đất nhận khoán trồng cây lâu năm là 5.467m<sup>2</sup>; đất liên kết trồng cây lâu năm là 500 m<sup>2</sup>; đất sản xuất nông nghiệp gia đình tự khai hoang là 3.243,1 m<sup>2</sup>.*

*Trên đất có nhà, vật kiến trúc, cây trồng, hoa màu.*

*Diện tích 7.307,3m<sup>2</sup> gồm 03 ao cá.*

[2] Xét đơn kháng cáo của bà M; Hội đồng xét xử xét thấy.

**[2.1] Về áp dụng pháp luật của Quyết định giải quyết khiếu nại và của Bản án sơ thẩm:**

Quyết định số 1590/QĐ-UBND của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P được ban hành ngày 30/5/2014 có nội dung phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 9.210,1m<sup>2</sup> trong đó: đất trồng cây lâu năm đất nhận khoán của hộ bà Phạm Thị M 5.467m<sup>2</sup>, đất liên kết 500m<sup>2</sup> và 3.243,1m<sup>2</sup> đất khai hoang.

Như vậy tại thời điểm ngày 30/5/2014, Luật đất đai năm 2013 chưa có hiệu lực thi hành (có hiệu lực 01/7/2014). Tại khoản 6, Điều 210 Luật đất đai năm 2013 quy định: “...trường hợp những dự án đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật đất đai năm 2013...”

Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 1931/QĐ – UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K( *phần kết luận*) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 đồng thời Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án tỉnh Đắk Lắk áp dụng Điều 82 Luật đất đai năm 2013, tại mục [2.1.2]; áp dụng Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 tại mục [2.1.5] để nhận định và xem xét tính hợp pháp của phần bồi thường nhà ở, đất nhận khoán vườn cây; đất khai hoang mà không áp dụng Luật đất đai năm 2003 và các văn bản liên quan, để xem xét tính hợp pháp đối với Quyết định 1590 ngày 30/5/2014 của UBND huyện K là không đúng quy định pháp luật.

**[2.2] Nguồn gốc đất bị thu hồi:**

Năm 1989, bà Phạm Thị M và ông Phạm Ngọc Đ có ký hợp đồng với Xí nghiệp 3/2 nhận khoán 0,91 ha đất để trồng cà phê; sau khi chia cho ông Trần Thanh B và chia sau ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ, tháng 12/1999, bà Phạm Thị M ký lại hợp đồng với Xí nghiệp 3/2 để quản lý và sử dụng 0,6 ha (diện tích kiểm đếm, đo đạc thực tế 5.967m<sup>2</sup>, trong đó có 5.467m<sup>2</sup> khoán vườn cây và 500m<sup>2</sup> khoán liên kết) đất tọa lạc tại Tổ dân phố số 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài diện tích đất nhận khoán của Xí nghiệp, năm 1990, hộ bà M tiếp tục khai hoang thêm tại khu vực này 3.243,1m<sup>2</sup> để sản xuất nông nghiệp và 7.307,3m<sup>2</sup> đất sinh lầy để làm ao hồ phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ trích lục bản đồ năm 1994 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì toàn bộ diện tích đất khai hoang và nhận khoán của bà M đều thuộc quản lý sử dụng của Xí nghiệp 3/2, sau này là Công ty X.

Năm 2006, UBND tỉnh Đắk Lắk thực hiện việc thu hồi toàn bộ diện tích đất trên giao cho UBND huyện K quản lý sử dụng theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND. Từ năm 2006, hộ gia đình bà M vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng đất cho đến năm 2012 thì UBND huyện K ban hành Quyết định số 2817/QĐ/UBND ngày 13/9/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Đông Bắc, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có ảnh hưởng đến toàn bộ diện tích đất của bà Phạm Thị M.

Đến ngày 30/5/2014, UBND huyện K ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P trong đó thu hồi 9.210,1m<sup>2</sup> đất của hộ bà Phạm Thị M.

*Xét thấy:* Bản án sơ thẩm và quyết định giải quyết khiếu nại số 1931/QĐ – UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đều nhận định cho rằng: “*Đất nhận khoán và đất khai hoang của gia đình bà M đều nằm trong phần diện tích đất của Xí nghiệp 3/2 sau này là Công ty X nay thuộc UBND huyện K. Như vậy, khi UBND huyện K thu hồi đất đối với phần đất này không bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật đất đai là có căn cứ*”. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng; việc nhận định và áp dụng pháp luật nêu trên là không có cơ sở bởi các căn cứ sau:

[2.3] Đối với diện tích đất 5.967m<sup>2</sup> là đất nhận khoán của bà M với Xí nghiệp 3/2 nhưng sau đó vào năm 2006 được Ủy Ban nhân dân tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý. Theo quy định tại Điều 16 và 18 của Quyết định 64/2005/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất của các Nông Lâm trường Quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, thì đất của bà M đủ điều kiện được giao đất và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, hợp đồng giao khoán của Xí Nghiệp 3/2 không còn giá trị từ khi Ủy ban tỉnh thu hồi bàn giao về cho địa phương quản lý.

Theo Điểm c Khoản 10 Điều 6 Nghị định 170/2004/NĐ- CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về sắp xếp đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, quy định:

*“...Diện tích đất đã thu hồi được giao hoặc cho thuê theo quy định sau: ...Diện tích đất nông trường quốc doanh đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân được giao đất hoặc thuê đất. Hạn mức giao đất được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai. Thời hạn sử dụng đất tính từ ngày giao khoán... Khoản 3 Điều 18 Quyết định 64/2005/QĐ- UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định: “... Việc giao đất, cho thuê đất đối với quỹ đất đã thu hồi của nông trường, lâm trường được thực hiện như sau: ...Đối với diện tích đất mà nông trường, lâm trường đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân là công nhân nông trường, lâm trường và hộ nông dân tại địa phương mà đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản nhưng không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương (được UBND cấp xã xác nhận) thì hộ gia đình, cá nhân đó được UBND cấp huyện tiếp tục giao đất hoặc cho thuê đất để sử dụng. Thời hạn giao đất, cho thuê đất và hạn mức giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai... ”,*

Sau khi được UBND tỉnh giao đất, mặc dù đã có Công văn số 113/CV – VPTU ngày 5/5/2006 (BL15) của Văn phòng Tỉnh ủy đôn đốc nhưng UBND huyện K vẫn không thực hiện việc giao đất hay bố trí cho các hộ nhận khoán. Đến năm 2012 UBND huyện mới quy hoạch dự án Khu quy hoạch Đông - Bắc thị trấn P.

Từ năm 2006 (*Trước năm 2006 nhận khoán*) đến khi thu hồi đất, hộ bà Phạm Thị M vẫn tiếp tục canh tác sử dụng diện tích đất trên, như vậy hộ bà M thuộc diện được bồi thường về đất đối với diện tích 5.967m<sup>2</sup> theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quy định: “...Điều kiện được bồi thường đất:.. 9, Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý, mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng... ” Việc UBND huyện K chỉ hỗ trợ mà không đền bù về đất cho hộ bà Phạm Thị M là không đúng quy định pháp luật.

Theo nội dung thông báo số 174/TB – UBND ngày 08 /5/2013 của UBND huyện K về việc “Kết luận của UBND huyện tại cuộc họp xem xét phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến Bộ phận sản xuất X” có nội dung thể hiện “thống nhất phương án bố trí đất ở cho 31 hộ theo quy hoạch mỗi hộ 200m<sup>2</sup>”. Bà Phạm Thị M cũng thuộc một trong 31 hộ nêu trên.

[2.4] Đối với diện tích 3.243,1m<sup>2</sup> được thu hồi theo Quyết định 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 trong đó có 1.400m<sup>2</sup> đất bà M làm đơn xin Xí nghiệp 3/2 cấp để làm nhà ở (Áp dụng Luật đất đai năm 2003): Diện tích đất trên nằm ngoài diện tích đất bà M được nhận khoán của Xí nghiệp, do bà M tự ý bỏ công ra cải tạo

phai hoang và sử dụng trên đất của Xí nghiệp 3/2; tuy nhiên sau đó bà M làm đơn xin Xí nghiệp cấp 1.400m<sup>2</sup> để làm nhà ở và từ năm 1992 đến nay không có bất kỳ văn bản ngăn chặn nào của cơ quan có thẩm quyền và đã được Xí nghiệp thừa nhận.

Khoản 1, khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, quy định:

*“...cấp giấy chứng nhận trong trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản i Điều 50 của Luật đất đai:*

*i. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản i Điều 50 của Luật Đất đai nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều này, nay được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được xử lý theo quy định sau:*

*a) Tại thời điểm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với đất thuộc vùng đã có quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chỉ tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng diêm dân cư nông thôn (gọi chung là quy hoạch) được xét duyệt mà việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đó và chưa có quyết định thu hồi đất trong trường hợp đất phải thu hồi thì được cấp Giấy chứng nhận.*

*Trường hợp đất có nhà ở thì người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng nhưng diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất không vượt quá hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận; đối với diện tích đất ở ngoài hạn mức (nếu có) thì phải nộp tiền sử dụng đất theo mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP.*

*Trường hợp đất có công trình xây dựng (không phải nhà ở) thì phải xác định diện tích đất phi nông nghiệp và diện tích đất nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng. Người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất phi nông nghiệp.*

*...4. Hộ gia đình, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất được sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong trường hợp tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm sau đây (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):*

a) Vi phạm quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai;

b) Vi phạm quy hoạch chi tiết mặt bằng xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai đối với diện tích đất đã giao cho tổ chức, cộng đồng dân cư quản lý;

c) Lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố, cấm mốc;

d) Lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè đã có chỉ giới xây dựng;

đ) Lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng, đất chuyên dùng, đất của tổ chức, đất chưa sử dụng và các trường hợp vi phạm khác đã có văn bản ngăn chặn nhưng người sử dụng đất vẫn cố tình vi phạm.... ”

Như vậy, mặc dù bà Phạm Thị M sử dụng đất lấn chiếm để khai hoang thuộc sở hữu của Xí nghiệp sau này được giao cho UBND huyện quản lý, nhưng không có văn bản ngăn chặn và được sự xác nhận của Xí nghiệp, vì vậy, diện tích đất trên đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1, khoản 4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Trên thực tế các hộ công nhân của xí Nghiệp 3/2 như gia đình bà M gồm các ông bà: ông Nguyễn Thanh B, ông Lê Hồng H, bà Lê Thị C, Lê Thị N và Nguyễn Thị N vào các năm 2004 đến 2016 đều đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với đất khai hoang như gia đình bà M (Có văn bản xác nhận kèm giấy chứng nhận QSD đất và lời khai của các hộ). Vào năm 1997 vợ chồng bà M ly hôn tại quyết định thuận tình ly hôn thể hiện bà M được chia 01 nhà cấp 4 trên đất thổ cư 130m<sup>2</sup> tại khối phố 6 thị trấn P.

Ngày 12/7/2013 UBND tỉnh Đắk Lắk có văn bản số 4665/UBND –NNMT gửi Sở tài nguyên môi trường v/v giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với 31 hộ dân trên địa bàn huyện K theo tờ trình số 135/TTr –UBND ngày 01/7/2013 của UBND huyện K ( BL37) trong đó có hộ gia đình bà M.

Căn cứ khoản 6, khoản 8, khoản 9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ việc UBND huyện K chỉ hỗ trợ mà không đền bù về đất cho bà Phạm Thị M là không đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với bồi thường về nhà ở. Hộ gia đình bà M có xây dựng nhà ở trên đất, việc xây dựng nhà ở này là ổn định từ năm 1992, không bị xử phạt hành chính và được phép của Xí nghiệp X cho công nhân có chỗ ở. Vào năm 1997 vợ chồng bà M ly hôn tại quyết định thuận tình ly hôn của Tòa án thể hiện bà M được chia 01 nhà cấp 4 trên đất thổ cư 130m<sup>2</sup> tại khối phố 6 thị trấn P. Như vậy việc hộ gia đình

bà M chỉ được bồi thường hỗ trợ 60% giá trị về nhà ở còn lại là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà M.

[4] Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên xét thấy; Bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật không phù hợp, dẫn đến việc giải quyết đơn khởi kiện của bà M chưa đúng do vậy xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà M, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị M, hủy các quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định hành chính bị khiếu nại.

Án phí: Bà Phạm thị M không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị M.

Sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013.Điểm c Khoản 10 Điều 6 Nghị định 170/2004/NĐ –CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ. Khoản 3 Điều 18,Quyết định 64/2005/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, khoản 6,8,9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ. Khoản 1,4 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ – CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

- Hủy một phần Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P; đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Phạm Thị M.

- Hủy một phần Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu quy hoạch Đông-Bắc thị trấn P đợt 3 đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Phạm Thị M

- Buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định thu hồi đất đối với gia đình bà Phạm Thị M theo quy định pháp luật (Gồm đất nhận khoán, đất khai hoang, đất ở, đất vườn nhà đất ở);

- Hủy Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M;

- Hủy Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị M.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với yêu cầu UBND huyện K phải bồi thường thiệt hại 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND huyện K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Phạm Thị M không phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, và án phí sơ thẩm, trả lại cho bà M 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà M đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai AA/2019/0008483 ngày 06/03/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0014524 ngày 29/3/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trần Quốc Cường    Võ Ngọc Thông**

**Mai Xuân Thành**